

TUẦN 11: CÓ CHÍ THÌ NÊN**TẬP ĐỌC**

“Ông Trọng thả diều” (Theo Trinh Đường)

“Có chí thì nên”

CHÍNH TẢ

Nhớ – viết

Phân biệt s/x, dấu hỏi/dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Luyện tập về động từ

Tính từ

I. Kiến thức**1. Khả năng kết hợp của động từ**

Trước động từ thường có các từ “đã”, “đang”, “sẽ”, “sắp”,... bổ sung ý nghĩa về thời gian cho hoạt động mà động từ biểu hiện.

Ví dụ:

- “Tớ đã đọc quyển truyện này rồi.” (quá khứ)
- “Tớ đang đọc quyển truyện này đây!” (hiện tại)

2. Tính từ

Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, của hoạt động, trạng thái...

Ví dụ: “Hoa cà phê thơm đậm và ngọt nên mùi hương thường theo gió bay đi rất xa.”

II. Bài tập

Bài 1. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(đã, sẽ, đang, sắp)

- a. “Khi tỏ thức dậy thì rùa _____ đến đích và trở thành người chiến thắng.”
- b. “Các bác nông dân _____ gặt lúa thì trời đổ cơn mưa.”
- c. “Sau lần thất bại ấy, tôi tự hứa _____ không bao giờ chủ quan nữa.”
- d. “_____ đến sinh nhật mẹ, Minh quyết dành dụm tiền để mua tặng mẹ một món quà ý nghĩa.”

Bài 2. Gạch dưới những từ ngữ không phải là tính từ trong mỗi dãy sau:

- xanh lè, trắng muốt, đỏ ối, cao vút, thơm phức, mỏng dính, nằm bẹp;
- thông minh, sáng sủa, nghỉ ngơi, xấu xí, giỏi giang, đẹp đẽ, mát mẻ;
- cao, thấp, dài, ngắn, béo, gầy, thức, nặng, nhẹ, to, nhỏ.

Bài 3. Gạch dưới từ bổ sung ý nghĩa về thời gian bị dùng sai trong các câu và sửa lại:

- "Tuần đang khôi ồm từ hôm trước." _____
- "Mẹ em đã đi chợ thì trời mưa." _____
- "Ngày mai, tôi đang đi đến Đà Nẵng để du lịch." _____

Bài 4. Các từ được gạch dưới sau đây bổ sung ý nghĩa cho từ nào? Khoanh vào từ đó.

- "Bà nhìn Thanh âu yếm."
- "Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thẳm gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi."
- "Họ phải làm lụng vất vả quanh năm mới đủ ăn."
- "Bóng mấy con chim bồ câu lướt nhẹ nhàng trên những mái nhà cao thấp."

Bài 5. Điền các tính từ vào bảng cho thích hợp:

xanh biếc, chắc chắn, tròn xoe, lông lều, xám xịt, vàng hoe, đen kịt, cao lớn,
tím ngắt, chót vót, tí xíu, kiên cường, thật thà

Tính từ chỉ hình dáng	Tính từ chỉ màu sắc	Tính từ chỉ phẩm chất, tính chất
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

Bài 6. Gạch dưới tính từ trong các đoạn trích dưới đây:

- "Người thích hoa sen trắng vì nó thanh khiết cao thượng, người lại ưa sen hồng vì nó rực rỡ. Người bảo hoa hồng quý phái, kiêu sa, nồng nàn, người khác lại cho rằng cúc mới là loài hoa quý vì nó thanh cao."
- "Sau tiếng chuông của ngôi chùa cổ một lúc lâu, trăng sáng hẳn. Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao. Mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vàng vạc... Ánh trăng trong chảy khắp nhành cây, kẽ lá, tràn ngập con đường trắng xóa."

4. Nêu cảm nhận của em về nhân vật "tôi".

Bài 2. Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu sau:

"Mỗi cánh hoa giấy giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng manh hơn và có màu sắc rực rỡ. Lớp lớp hoa giấy rải kín mặt sân, nhưng chỉ cần một làn gió thoảng, chúng tản mát bay đi mất."

(Trích "Hoa giấy" – Trần Hoài Dương)

- Danh từ: _____
- Động từ: _____
- Tính từ: _____

Bài 3. Cho biết những câu hỏi dưới đây được dùng với mục đích gì?

- a. "Có ai thương con bằng người mẹ?" _____
- b. "Thế mà được xem là giỏi à?" _____
- c. "Sao cháu bà ngoan thế nhỉ?" _____
- d. "Anh vận giúp em tí vi nhỏ hơn được không?" _____
- e. "Bác đi làm về đấy ạ?" _____

Bài 4. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả một đồ dùng đã gần bó nhiều năm với gia đình của em. Đoạn văn có sử dụng câu kể "Ai làm gì?", gạch dưới câu văn đó.

- c. "Không có gì hiền lành, đáng yêu như khu vườn trưa lặng lẽ. Cây cối là người bạn hiền, buông từng lời thủ thỉ chan chứa mà xanh trong từng chiếc lá."

Bài 7. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

- a. "rộng lớn": _____
- b. "sâu": _____
- c. "yếu đuối": _____
- d. "đầy": _____
- e. "nhút nhát": _____
- f. "nóng nảy": _____
- g. "mới tinh": _____
- h. "yên tĩnh": _____

Bài 8. Cho câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công."

- a. Tìm hai từ trái nghĩa với nhau có trong câu tục ngữ trên.

- b. Em hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ trên như thế nào?

Bài 9. Nêu cách hiểu của em về các từ sau và đặt câu với mỗi từ đó:

nhỏ xíu, trong xanh, yên tĩnh, cẩn thận, sáng trung

TẬP LÀM VĂN

Mở bài trong văn kể chuyện

I. Kiến thức**1. Yêu cầu của mở bài trong bài văn kể chuyện**

- Giới thiệu câu chuyện được kể (tên truyện, truyện kể về ai, sự việc gì).
- Đưa được yêu cầu của đề bài vào phần mở bài.

2. Hai kiểu mở bài

- Mở bài trực tiếp: Giới thiệu câu chuyện, có thể kể ngay sự việc mở đầu câu chuyện;
- Mở bài gián tiếp: Dẫn dắt rồi mới giới thiệu vào câu chuyện.

II. Bài tập**Bài 1.** Các mở bài dưới đây thuộc kiểu mở bài nào?

a. “Bưởi mồ côi cha từ nhỏ, phải theo mẹ quẩy gánh hàng rong. Thấy em không ngó, nhà họ Bạch nhận làm con nuôi và cho ăn học.”

b. “Truyện cổ tích đem lại cho em bao màu sắc huyền thoại, được trở về xứ sở mà chim thú đều biết nói tiếng người. Trong truyện, những người nghèo khổ, hiền lành đều được giúp đỡ, đền bù còn kẻ tham lam như người anh trong câu chuyện “Cây khế” dưới đây sẽ bị trừng phạt.”

c. “Giữ vững lòng chính trực của mình có khi phải cật lực cái chết nhưng cuối cùng bao giờ chân lí cũng chiến thắng. Cô giáo đã giảng cho chúng em nghe như vậy khi kể cho cả lớp nghe câu chuyện “Một nhà thơ chân chính”.”

Bài 2. Viết mở bài theo cách gián tiếp cho đề văn sau: “Kể lại câu chuyện về thầy Nguyễn Ngọc Ký, một tấm gương sáng về ý chí và nghị lực vượt qua khó khăn.”

PHIẾU CUỐI TUẦN 18

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Tôi nhớ mãi lần mẹ mua cho tôi chiếc áo mới vào ngày Tết, chiếc áo vải dày nhưng sờ vào rất mát. Những bông hoa vàng nhụy đỏ làm niềm vui của tôi trong năm mới rậm ran.

Tết năm ấy với tôi cái gì cũng đẹp hơn, vui hơn gấp trăm lần. Từ 27 Tết, tôi cứ chạy khắp căn nhà nhỏ bé của mình hát véo von, làm mọi việc linh tinh mà không phụng phịu, dỗi hờn như mọi năm. Thi thoảng lại liếc mắt nhìn chiếc áo mới được mẹ móc gọn gàng phơi trên dây.

Đêm giao thừa mẹ bảo mặc áo mới trước giờ bố thắp hương. Tôi cầm cái áo mới trên tay hít hà mùi vải mới, vừa muốn mặc lên người mà vừa không nỡ. Tôi cứ tần ngần, bố phải nhắc đến lần thứ ba. Dù chiều đó đun nước hương bưởi để tắm gội tất niên nhưng từ khi mặc áo mới, tôi chỉ nghĩ thấy trên cơ thể mình một mùi thơm rất lạ. Có lẽ đó là mùi của niềm vui trong trẻo thuở lên mười.

Sau này khi cuộc sống đã bớt khó khăn, Tết nào mẹ cũng sắm cho ba anh em tôi quần áo mới. Tuy nhiên, dù giá những bộ quần áo đó có cao hơn, chất vải có tốt hơn tôi vẫn yêu chiếc áo mới thời khó khăn năm nào.”

(“Chiếc áo mới ngày xuân” – Vũ Thị Huyền Trang)

1. Chiếc áo mới của nhân vật “tôi” có đặc điểm gì?

- a. vải mỏng, mặc vào rất mát, nổi bật trên nền vải là những bông hoa vàng nhụy đỏ;
- b. vải dày nhưng sờ vào rất mát, có những bông hoa vàng nhụy đỏ trên nền vải;
- c. vải dày nhưng sờ vào rất mát, có những bông hoa đỏ nhụy vàng.

2. Theo nhân vật “tôi”, mùi thơm rất lạ trên cơ thể mình là gì?

- a. mùi vải mới từ cái áo;
- b. mùi vải mới quyện với hương bưởi từ nước tắm gội;
- c. mùi của niềm vui trong trẻo thuở lên mười.

3. Vì sao sau này, dù đã có những bộ quần áo đẹp hơn, giá trị hơn nhưng nhân vật “tôi” vẫn yêu chiếc áo thời khó khăn năm xưa?

- a. vì đó là chiếc áo cha mẹ chật chiu từng đồng để mua cho con;
- b. vì đó là tình yêu thương của cha mẹ;
- c. cả a và b đều đúng.

Bài 8. Viết một đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một chiếc bút mà em yêu quý nhất.

PHIẾU CUỐI TUẦN 11

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Tôi chú ý đến cô bé ấy khi thấy cô rất ham mê bóng rổ. Có lần, hai bác cháu nói chuyện, cô bé bảo: "Cháu muốn vào đại học. Nhưng cháu chỉ có thể theo học nếu có học bổng. Cháu nghĩ nếu chơi bóng thật xuất sắc, sẽ nhận được học bổng. Ba cháu bảo nếu ước mơ đủ lớn, những chuyện khác chỉ là chuyện nhỏ."

Một hôm, thấy cô bé buồn, tôi hỏi, cô trả lời:

– Các huấn luyện viên bảo cháu hơi thấp, không thể chơi cho đội hạng nhất. Như vậy thì nói gì đến học bổng nữa!

– Ý ba cháu thế nào?

– Ba cháu bảo: "Các huấn luyện viên sai bét, vì họ không hiểu được sức mạnh của ước mơ. Nếu con thực sự muốn thì không có gì có thể ngăn cản con, ngoại trừ một điều – thái độ của chính mình!".

Năm cuối bậc phổ thông, đội bóng của cô giành giải vô địch toàn quốc, cô được cấp học bổng vào đại học. Vừa vào trường, cô nhận được tin dữ: ba bị ung thư.

Trước khi qua đời, ông nắm lấy bàn tay cô, gắng sức nói: "Tiếp tục ước mơ con nhé! Đừng để ước mơ của con chết theo ba."

Những năm tiếp theo quá khó khăn với cô. Nhưng cô đã hoàn tất chương trình đại học một cách xuất sắc. Bởi vì mỗi khi muốn bỏ cuộc, cô lại nhớ lời ba: "Nếu ước mơ đủ lớn, con có thể làm được mọi việc". Và tôi nghe cô nói với bạn bè: "Nếu ước mơ đủ lớn, những điều còn lại chỉ là chuyện nhỏ.""

("Nếu ước mơ đủ lớn" – Theo "Quà tặng cuộc sống")

1. Cô bé buồn phiền vì điều gì?

- Cô bé không đủ tiền để được học trong đội bóng rổ.
- Cô bé không đủ chiều cao để chơi cho đội bóng rổ hạng nhất.
- Cô bé không đủ tiền để được vào đại học.

2. Dòng nào nêu đúng điều bố cô bé đã nói với cô?

- Nếu ước mơ đủ lớn, mọi chuyện khác chỉ là chuyện nhỏ.
- Nếu con thực sự muốn thì không điều gì có thể ngăn cản con.
- Cả a và b đều đúng.

3. Trước khi qua đời, ông bố dặn con gái điều gì?

a. Đừng buồn vì sự ra đi của ba.

b. Hãy chăm chỉ học tập.

c. Hãy tiếp tục ước mơ.

4. Theo em, nhờ vào điều gì mà cô bé đã thực hiện được ước mơ của mình?

a. Nhờ vào những lời động viên, ủng hộ của người cha.

b. Nhờ vào sự quyết tâm thực hiện ước mơ của cô bé.

c. Cả a và b đều đúng.

5. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

Bài 2. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

a. xanh rì, màu xanh, xanh ngắt, xanh um;

b. chạy nhảy, ăn uống, đi đứng, hồi hộp;

c. đánh bóng, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn;

d. chăm chỉ, ngoan ngoãn, cần cù, học hỏi.

Bài 3. Khoanh vào động từ (trong các từ được gạch dưới) ở từng cặp câu sau:

a. – “Nhân dân thế giới mong muốn được sống trong hòa bình.”

– “Những mong muốn của nhân dân thế giới về hòa bình sẽ thành hiện thực.”

b. – “Bố mẹ hi vọng ở con rất nhiều.”

– “Những hi vọng của bố mẹ ở con là có cơ sở.”

Bài 4. Sắp xếp các từ được gạch dưới trong đoạn trích sau thành hai nhóm:

“Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhưng bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lơ dờ như trôi trong nắng. Loại bướm nhỏ đen kịt là là theo chiều gió. Còn lũ bướm vàng tươi xinh xinh của những vườn rau thì rụt rè, nhút nhát, chẳng bao giờ đám bay ra đến bờ sông.”

(Trích “Những cánh bướm bên bờ sông” – Theo Vũ Tú Nam)

– Động từ: _____

– Tính từ: _____

b. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất trời vào xuân?

Bài 7. Đọc đoạn thơ dưới đây và thực hiện yêu cầu:

“Sông La ơi sông La Gõ lượn đàn thông thả

Trong veo như ánh mắt Như bầy trâu lim dim

Bờ tre xanh im mát Đắm mình trong êm ả

Mơnon mướt đôi hàng mi. Sóng long lanh vẩy cá

Bè đi chiều thăm thì Chim hót trên bờ đề.”

(Trích “Bè xuôi sông La” – Vũ Duy Thông)

a. Tìm các danh từ, động từ, tính từ có trong đoạn thơ trên và điền vào bảng:

Danh từ	Động từ	Tính từ
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

b. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Hãy chỉ ra các từ ngữ thể hiện và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

Bài 3. Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu văn sau:

“Trăng đêm nay sáng quá! Trăng mai còn sáng hơn. Anh mừng cho các em vui Tết Trung thu độc lập đầu tiên và anh mong ước ngày mai đây, những Tết Trung thu tươi đẹp hơn nữa sẽ đến với các em.”

– Danh từ: _____

– Động từ: _____

– Tính từ: _____

Bài 4. Các câu hỏi sau được dùng với mục đích gì?

a. Kì nghỉ lễ vừa rồi cậu có đi chơi đâu không?

b. Bài này mà cậu bảo là dễ à?

c. Các cậu có thể trật tự để lớp bên cạnh học được không?

d. Hôm nay, cậu có thể cho tớ đi nhờ xe để về nhà được không?

Bài 5. Thực hiện các yêu cầu sau:

a. Đặt một câu có từ “quyết tâm”;

b. Tìm một thành ngữ hoặc tục ngữ nói về ý chí vượt qua khó khăn, thử thách.

Bài 6. Đọc hai câu văn sau và thực hiện yêu cầu:

“Mùa xuân, những hạt mưa li ti giăng giăng thả bụi êm đêm, cây cối chịu qua giá rét của mùa đông ngủ một giấc đầy chột bừng tỉnh. Những hạt mưa đủ để cho cây cối nhũ chồi biếc, hơn hờ đón chào mùa xuân.”

(Trích “Chồi biếc” – Bùi Sĩ Can)

a. Hai câu trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Gạch dưới các từ ngữ thể hiện.

TUẦN 12: CÓ CHÍ THÌ NÊN

TẬP ĐỌC

“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi

“Vẽ trứng” (Theo Xuân Yển)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt tr/ch, ươn/ương

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Ý chí – Nghị lực”

Tính từ (tiếp theo)

I. Kiến thức

Một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất:

– Tạo ra từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.

Ví dụ: Với tính từ “xanh” ta có thể tạo ra các từ sau: “xanh mướt”, “xanh rờn”, “xanh xanh”, “xanh non”...

– Thêm các từ “rất”, “quá”, “lắm”... vào sau tính từ.

Ví dụ: “Chiếc áo mới rất đẹp.”

– Tạo ra phép so sánh.

Ví dụ: “Bạn Chi viết chữ đẹp nhất.”

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước các câu tục ngữ không nói về “ý chí, nghị lực”:

a. “Có chí thì nên”;

b. “Có công mài sắt, có ngày nên kim”;

c. “Thua keo này, bày keo khác”;

d. “Có đi mới đến, có học mới hay”;

e. “Có bột mới gột nên hồ”;

f. “Thắng không kiêu, bại không nản”;

g. “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”.

Bài 2. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “quyết tâm”?

- có tinh thần thực hiện điều đã định, dù biết là có nhiều khó khăn, trở ngại;
- làm những gì mình muốn mà không cần người khác phải nhắc nhở;
- thực hiện bằng được những gì mà mình thích.

Bài 3. Nối từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B:

A	B
1. chí hướng	a. sức mạnh tinh thần làm cho con người kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước khó khăn
2. nghị lực	b. ý muốn đạt mục đích cao đẹp trong cuộc sống
3. quyết chí	c. có chí và quyết làm bằng được
4. chí tình	d. hết sức công bằng, không chút thiên vị
5. chí lí	e. hết sức thân thiết
6. chí thân	f. hết sức đúng, hết sức có lí
7. chí công	g. có tình cảm chân tình, sâu sắc

Bài 4. Tìm một từ thích hợp điền vào các chỗ trống:

- “Tuổi nhỏ _____ lớn”;
- “Bền gan vững _____”;
- “Vững _____ bền lòng”.

Bài 5. Chọn từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống: (“rất”, “quá”, “lắm”, “hơn”)

- _____ công bằng, _____ thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.”
- _____ “Mắt trẻ con sáng _____
Nhưng chưa thấy gì đâu.”
- “Tôi tưởng tượng nếu mang nó vào chắc bước đi sẽ nhẹ và nhanh _____.”
- “Trăng đêm nay sáng _____! Trăng mai còn sáng hơn.”

TUẦN 18: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các động từ?

- buồn bã, chạy nhảy, hồi hộp, học tập;
- yêu thương, chuyện trò, lễ phép, đi đứng;
- vui chơi, bầu trời, khóc lóc, ca hát.

2. Câu “Ác-bon là một thị trấn nhỏ, không có những lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con.” có mấy tính từ?

- 4 tính từ
- 5 tính từ
- 6 tính từ

3. Từ nào khác loại trong nhóm: “chạy nhảy”, “hoảng sợ”, “chán nản”?

- chạy nhảy
- hoảng sợ
- chán nản

4. Tác dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Từ một cậu bé nghèo, mồ côi cha, nhờ ý chí, nghị lực của bản thân, Bạch Thái Bưởi đã trở thành “vua tàu thủy”.” là:

- Đánh dấu những từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt;
- Dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật;
- Báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

5. Thành ngữ nào dưới đây có nghĩa là “muốn những điều trái với lẽ thường”?

- “Cầu được ước thấy”;
- “Ước của trái mùa”;
- “Đứng núi này trông núi nọ”.

Bài 2. Với mỗi tiếng đã cho, hãy tạo 2 từ tương ứng cho mỗi loại:

Tiếng	Từ ghép tổng hợp	Từ ghép phân loại	Từ láy
ngọt			
sáng			
thơm			

b. Chê: _____

c. Nhờ: _____

d. Trách móc: _____

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau trong bài “Tuổi Ngựa” của Xuân Quỳnh:

“Tuổi con là tuổi Ngựa
Nhưng mẹ ơi, đừng buồn
Dẫu cách núi cách rừng
Dẫu cách sông cách biển
Con tìm về với mẹ
Ngựa con vẫn nhớ đường.”

a. Hình ảnh “ngựa con” trong đoạn thơ chỉ ai? Ngựa con muốn nhắn nhủ mẹ điều gì?

b. Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm của ngựa con đối với mẹ?

Bài 6. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một món quà mà em thích nhất.

Bài 6. Với mỗi tiếng đã cho, hãy tạo ra các tính từ (theo mẫu):

Tiếng	Tính từ là từ láy	Tính từ là từ ghép
ngọt	ngọt ngào	ngọt lịm
xa		
mềm		
ngắn		

Bài 7. Đặt câu theo yêu cầu:

a. Câu có từ “sáng” là danh từ:

b. Câu có từ “sáng” là tính từ:

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Kết bài trong bài văn kể chuyện

I. Kiến thức

1. Yêu cầu của kết bài trong bài văn kể chuyện

- Kết thúc câu chuyện một cách ngắn gọn;
- Thể hiện được tình cảm, thái độ (yêu, ghét) của người viết với các nhân vật trong truyện;
- Rút ra bài học cho bản thân.

Ví dụ: Kết bài cho đề “Kể lại câu chuyện em đã được đọc (nghe) về tính trung thực.”

“Chú bé Chôm trong câu chuyện “Những hạt thóc giống” đã cho chúng ta một bài học lớn về đức tính trung thực. Trong cuộc sống, trung thực là điều cần thiết cho tất cả mọi người, ai sống trung thực người ấy sẽ luôn nhận được những điều tốt đẹp.”

2. Hai kiểu kết bài

- Kết bài mở rộng: Nêu ý nghĩa hoặc đưa ra lời bình về câu chuyện;
- Kết bài không mở rộng: Chỉ nêu kết thúc của câu chuyện, không bình luận.

II. Bài tập

Bài 1. Các kết bài sau thuộc kiểu kết bài nào?

a. “Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi cái quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.”

b. “Em cảm thông, chia sẻ và tôn trọng nỗi đau của An-đrây-ca bởi cậu là người có tấm lòng trung thực. Câu chuyện của An-đrây-ca cũng là một lời nhắc nhở em làm tròn công việc được giao để tránh sự áy náy, đau buồn trước kết quả không mong muốn.”

Bài 2. Đọc câu chuyện sau:

Người đi săn và con vượn

“Một hôm, người đi săn xách nỏ vào rừng. Bác thấy một con vượn lông xám đang ngồi ôm con trên tảng đá. Bác nhẹ nhàng rút mũi tên bắn trúng vượn mẹ.

Vượn mẹ giật mình, hết nhìn mũi tên lại nhìn về phía người đi săn bằng đôi mắt căm giận, tay không rời con. Máu ở vết thương từ từ rỉ ra loang khắp ngực.

Người đi săn đứng im chờ kết quả...

Bỗng vượn mẹ nhẹ nhàng đặt con xuống, vợ vượn nằm búi nhủi gối lên đầu con, rồi nó hái cái lá to, vắt sữa vào và đặt lên miệng con.

Sau đó, vượn mẹ nghiêng răng giật mũi tên ra, rú lên một tiếng thật to rồi ngã xuống.

Người đi săn đứng lặng. Hai giọt nước mắt từ từ lăn trên má. Bác cắn môi, bẻ gãy nỏ và lẳng lặng quay gót ra về.

Từ đấy, bác không bao giờ đi săn nữa.”

(Lép Tôn-xtôi)

Viết một kết thúc khác cho câu chuyện trên theo cách suy nghĩ của em.

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 3)

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- nỗi buồn, niềm vui, tình thương, xúc động;
- bầu trời, mặt đất, rộng lớn, biển khơi;
- lo âu, chơi đùa, học hành, gánh vác;
- hạnh phúc, tự hào, niềm vui, yêu thương.

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- Từ “quyết định” trong câu nào dưới đây là động từ?
 - “Những quyết định của anh ấy đã giúp cho công ty có hướng phát triển.”
 - “Cuối cùng Mai cũng quyết định tham dự kì thi Toán quốc tế tổ chức tại đất nước Ma-lai-xi-a xinh đẹp.”
 - “Nhận quyết định khen thưởng của nhà trường, Lan không giấu được niềm xúc động.”
- Câu văn “Làn gió nhẹ thổi qua, những cánh phượng nhỏ bé rơi theo chiều gió trông thật đẹp.” có mấy tính từ?
 - 3 tính từ
 - 4 tính từ
 - 5 tính từ
- Từ nào trong các từ sau là danh từ?
 - xinh đẹp
 - cái đẹp
 - tươi đẹp
- Câu nghi vấn nào sau đây được dùng với mục đích khen?
 - “Có gì quý hơn hạt gạo?”
 - “Sao cháu bà ngoan thế nhỉ?”
 - “Cậu có thể nói nhỏ hơn được không?”
- Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây nói về lòng biết ơn?
 - “Thẳng như ruột ngựa”;
 - “Lá lành đùm lá rách”;
 - “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Bài 3. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

- “Mua xối xuống đôi như có hàng triệu bàn chân nhỏ xíu đang đập xuống.”
- “Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học Toán.”
- “Chú nhái bén nhảy phốc lên ngồi chễm chệ trên lá khoai nước.”
- “Dưới ánh nắng chói chang, bác nông dân đang cày ruộng.”

Bài 4. Đặt câu hỏi được dùng với mục đích sau:

- Khen: _____

4. Nét hấp dẫn của nghệ thuật múa rối nước là:

- a. phong cảnh sân khấu thơ mộng;
- b. lời ca, tiếng hát của các nghệ sĩ;
- c. phong cảnh sân khấu thơ mộng và sự khéo léo điều khiển các con rối ở dưới nước của các nghệ sĩ.

5. Loại múa rối nào chỉ có duy nhất ở Việt Nam?

- a. rối cạn;
- b. rối nước;
- c. cả rối cạn và rối nước.

Bài 2. Dùng gạch chéo (/) để ngăn cách chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu dưới đây. Cho biết vị ngữ của các câu là động từ hay cụm động từ?

a. "Em bé cười."

b. "Cô giáo đang giảng bài."

c. "Cá Chuối mẹ liền lấy đà quẫy mạnh, rồi nhảy tùm xuống nước."

d. "Đàn cá chuối con ủa lại tranh nhau đớp tới tấp."

Bài 3. Viết một đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả bộ bàn ghế học tập của em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 12

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Một trận động đất xảy ra tại một trường học ở Mỹ. Trong khi đội cứu hộ cố gắng cứu các em bé trong những lớp học bị đổ nát, một người đàn ông cứ xông vào nơi nguy hiểm như con thiêu thân. Mọi người lo sợ ông đang phát cuồng vì mất con và làm cản trở công việc của những người cứu hộ, nên khuyên ông ra ngoài nhưng ông nói: "Tôi đã hứa với Paul rằng lúc nào tôi cũng ở bên con, cho dù bất cứ chuyện gì xảy ra."

Khi đội cứu hộ bắt đầu dừng tay và định ninh rằng họ đã cứu hết những người còn sống sót thì ông vẫn kiên nhẫn tìm. Bỗng ông nghe tiếng gọi thật yếu ớt ngắt quãng vọng lên: "Bố ơi! Chúng con đây nè". Ông điên cuồng đào bới, mọi người xung quanh thấy thế vội chạy đến hỗ trợ ông. Như một phép lạ, gần hai chục đứa trẻ đang nhìn ông với ánh mắt hi vọng, chờ đợi.

Khi đã trong vòng tay bố, cậu bé mới nói trong nước mắt: "Con biết bố không bao giờ bỏ con mà. Các bạn không tin con và sợ lắm nên con chờ bố đến và để các bạn ra trước vì bố sẽ không bao giờ bỏ con đâu!".

("Niềm tin" – Theo "Hạt giống tâm hồn")

1. Trận động đất xảy ra ở đâu?

- a. tại một bệnh viện ở Mỹ;
- b. tại một trường học ở Mỹ;
- c. tại một khu chợ lớn ở Mỹ.

2. Vì sao biết là rất nguy hiểm nhưng người đàn ông vẫn xông vào để cứu con?

- a. Ông đang quá lo sợ.
- b. Ông không tin đội cứu hộ sẽ cứu được con mình.
- c. Ông đã hứa với con là lúc nào cũng ở bên con, cho dù bất cứ chuyện gì xảy ra.

3. Khi đội cứu hộ dừng công việc tìm kiếm, người đàn ông đã làm gì?

- a. Ông vẫn điên cuồng đào bới.
- b. Ông kiên nhẫn tìm con.
- c. Ông gào thét và luôn miệng gọi tên con.

4. Vì sao Paul để các bạn ra trước?

a. Vì Paul nghĩ ra sau sẽ an toàn hơn.

b. Vì Paul thấy sợ.

c. Vì Paul tin rằng bố sẽ không bao giờ bỏ bạn ấy.

5. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước các câu tục ngữ, thành ngữ nói về ý chí, nghị lực:

a. “Một điều nhịn, chín điều lành”;

b. “Chân cứng đá mềm”;

c. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”;

d. “Chung lưng đấu cật”;

Bài 3. Với các tiếng đã cho, hãy tìm từ ngữ thích hợp điền vào bảng dưới đây:

Cách thể hiện mức độ	“vàng”	“đẹp”	“vui”
Tạo ra các từ láy			
Thêm từ “rất”, “quá”, ...			
Tạo ra phép so sánh			

Bài 4. Cho đề văn: Kể về một tấm gương vượt khó trong học tập mà em biết.

a. Viết kết bài mở rộng

b. Viết kết bài không mở rộng

PHIẾU CUỐI TUẦN 17

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Múa rối là loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống có từ lâu đời của các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam. Miền đồng bằng châu thổ sông Hồng là cái nôi sinh ra nghệ thuật múa rối nước. Do điều kiện tự nhiên và công việc nông nghiệp của người dân Việt Nam gần gũi và gắn bó với nước, chính những người nông dân chân lấm tay bùn này đã sáng tạo ra nghệ thuật rối nước. Họ thường tổ chức vào những ngày việc đồng áng tạm xong, ngày xuân, những ngày mở hội. Phương thức nhờ nước để con rối hoạt động, nhờ nước để giấu đi bộ máy và cách điều khiển rối là sáng tạo tuyệt vời. Nước làm cho con rối sinh động, làm cho chúng tươi tắn hơn.”

Trước kia, rối nước chỉ diễn ra vào ban ngày, ở ngoài trời. Giữa thiên nhiên thơ mộng, khán giả có cơ hội chiêm ngưỡng một loại hình nghệ thuật trong đó có đất, nước, cây xanh, mây, gió, có lửa, có khói mờ vương tỏa, có cả mái đình với những hàng ngói đỏ... Thật là một sự hòa hợp độc đáo của nghệ thuật, thiên nhiên và con người.

Lịch sử múa rối Việt Nam ghi nhận hai loại hình chính là múa rối cạn và múa rối nước. Riêng rối nước là loại hình dân gian độc đáo chỉ có duy nhất ở Việt Nam.”

(“Múa rối nước” – Theo Internet)

1. Câu “Miền đồng bằng châu thổ sông Hồng là cái nôi sinh ra nghệ thuật múa rối nước.” có nghĩa là:

a. Múa rối nước chỉ xuất hiện ở đồng bằng sông Hồng.

b. Múa rối nước xuất hiện đầu tiên ở đồng bằng sông Hồng.

c. Đồng bằng sông Hồng là nơi nghệ thuật múa rối nước phát triển nhất.

2. Ai đã sáng tạo ra nghệ thuật múa rối nước?

a. những người nông dân Việt Nam;

b. những nghệ nhân Việt Nam;

c. những ngư dân Việt Nam.

3. Người ta thường biểu diễn múa rối nước vào thời gian nào?

a. vào ngày hội, ngày xuân;

b. vào những lúc nông nhàn;

c. cả a và b đều đúng.

d. Xác định đoạn văn kết bài và cho biết bài văn trên được kết bài theo cách nào?

Bài 2. Viết bài văn miêu tả một cuốn sách mà em yêu thích.

TUẦN 13: CỐ CHÍ THÌ NÊN

TẬP ĐỌC

“Người tìm đường lên các vì sao”

“Văn hay chữ tốt”

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt l/n, i/iê

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Ý chí – Nghị lực”

Câu hỏi và dấu chấm hỏi

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Câu hỏi (câu nghi vấn) là kiểu câu dùng để hỏi, tìm hiểu thông tin về những điều chưa biết.

Ví dụ: “Quyển sách này của bạn nào nhỉ?”

2. Dấu hiệu nhận biết

– Từ ngữ: thường có các từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, không...)

– Dấu câu: cuối câu có dấu chấm hỏi (?)

Ví dụ: “Em thấy buổi học đầu tiên thế nào?”

II. Bài tập

Bài 1. Điền các từ dưới đây vào bảng cho thích hợp:

khó khăn, bền gan, gian lao, bền chí, bền lòng, thử thách, thách thức, vững chí,

vững dạ, quyết tâm, quyết chí, chông gai, kiên cường, gian khổ

Những từ nói lên ý chí và nghị lực của con người	Những từ nói lên thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người

Bài 2. Tìm từ có tiếng “chí” điền vào chỗ trống trong những câu sau:

- “Những nhận xét của anh ấy thật là _____.”
- “Để đạt được danh hiệu Học sinh giỏi, An _____ học hành.”
- “Ai cũng khen Long tuy nhỏ tuổi nhưng rất có _____.”

Bài 3. Tìm 3 từ trái nghĩa với từ “quyết chí”. Đặt 1 câu với một trong các từ vừa tìm được.

Bài 4. Đặt câu với các từ sau: “nghị lực”, “gan góc”.

Bài 5. Gạch dưới từ nghi vấn trong các câu hỏi dưới đây:

- “Cậu đang làm gì đấy?”
- “Cậu không thấy đạn réo à?”
- “Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ biết ơn bạn?”
- “Bạn biết chơi cờ vua không?”
- “Mẹ sắp đi chợ chưa?”
- “Làm sao con khóc?”
- “Cậu sao vậy?”

Bài 6. Chuyển những câu kể sau thành câu hỏi:

- “Trang học bài.”
- “Hôm nay, Hằng làm bài kiểm tra Toán.”

Bài 7. Đặt một câu hỏi để tự hỏi mình với mỗi tình huống sau:

- Tự hỏi về một người trông rất quen nhưng không nhớ tên.
- Mẹ dặn làm một việc nhưng không nhớ.

TẬP LÀM VĂN

Đoạn văn miêu tả đồ vật

I. Kiến thức

Mỗi đoạn văn miêu tả đồ vật có một nội dung nhất định: giới thiệu về đồ vật, tả bao quát đồ vật, tả từng bộ phận của đồ vật hoặc nêu lên tình cảm, thái độ của người viết đối với đồ vật...

II. Bài tập

Bài 1. Đọc bài văn sau:

Búp bê của tôi

“Tôi gọi búp bê mà mẹ mua cho tôi là em búp bê xinh đẹp. Em búp bê được mẹ lựa chọn kĩ lưỡng trong chuyến đi công tác Vũng Tàu năm ngoái để làm quà tặng tôi. Đó là kỉ vật vô giá đối với tôi.

Búp bê xinh đẹp có mái tóc xoăn màu vàng, mái tóc ấy được tôi chải gọn ghê và tết thành hai bím trông rất dễ thương. Em ấy mặc một bộ váy màu xanh da trời có đính những bông hoa nhỏ xíu, lại còn thắt nơ đằng sau lưng nữa. Tôi hay trêu đùa, gọi em là búp bê điệu đà. Đôi mắt em to tròn luôn nhìn tôi âu yếm mỗi khi tôi tâm sự những chuyện vui buồn với em. Đôi môi búp bê xinh đẹp luôn đỏ thắm như vừa được trang điểm xong vậy.

Tôi yêu em búp bê lắm, có gì ngon tôi cũng mời em ăn, có chuyện gì ở lớp tôi cũng kể cho búp bê nghe. Em búp bê ngoan lắm, luôn luôn lắng nghe từng lời tôi nói. Tôi luôn có ý thức giữ em búp bê thật sạch, quần áo, đầu tóc luôn gọn gàng, mẹ tôi hài lòng lắm.

Em búp bê là người bạn đã theo tôi suốt những năm tháng tuổi thơ. Tôi còn nhớ như in cái lần tôi ôm lấy búp bê mà khóc đến nỗi ướt hết váy áo của em, cả trong giấc mơ của mình, tôi cũng gọi tên búp bê xinh đẹp.”

(Sưu tầm)

a. Bài văn trên gồm mấy đoạn văn?

b. Tìm đoạn văn miêu tả hình dáng của búp bê.

c. Xác định đoạn văn mở bài và cho biết bài văn trên được mở bài theo cách nào?

c. Nêu ý nghĩa của vị ngữ và xác định cấu tạo của các vị ngữ đó.

Bài 7. Gạch dưới vị ngữ trong mỗi câu kể “Ai làm gì?” trong đoạn văn dưới đây:

“Buổi sáng, bé Linh thức dậy lúc sáu giờ. Em ra sân vươn vai tập thể dục. Sau đó, em đánh răng, rửa mặt. Mẹ và chị Nga đã chuẩn bị một bữa sáng ngon lành. Cả nhà quây quần bên mâm cơm sáng ấm cúng. Ăn xong, mẹ chải đầu, chỉnh quần áo cho Linh. Bố thay quần áo rồi đưa Linh tới trường. Linh nhìn trời bằng đôi mắt trong veo và háo hức đón chờ ngày học mới.”

Bài 8. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

“Ngôi nhà thuở Bác thiếu thời
 Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa
 Chiếc giường tre quá đơn sơ
 Vòng gai ru mát những trưa nắng hè.”

(Trích “Về thăm nhà Bác” – Nguyễn Đức Mậu)

a. Tìm các tiếng bắt vần với nhau trong đoạn thơ trên.

b. Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ. Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

c. Đoạn thơ trên cho em cảm nhận gì về cuộc sống của Bác?

Bài 8. Đọc đoạn trích sau:

“Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia! Sách vở của con là vũ khí, lớp học của con là chiến trường, hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bố tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy.”

(Theo A-mi-xi)

a. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích trên. Gạch dưới câu văn thể hiện điều đó.

b. Em hiểu “mặt trận” mà người bố nhắc đến là gì?

c. Người bố muốn khuyên người con điều gì?

TẬP LÀM VĂN Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

Ôn tập văn kể chuyện

Viết đoạn văn khoảng 7 câu kể về một tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập mà em biết.

PHIẾU CUỐI TUẦN 13

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Sau một trận bóng nặng ở cả hai chân khi mới lên năm, Glenn Cunningham được các bác sĩ chẩn đoán rằng trường hợp của cậu là vô phương cứu chữa. Họ cho rằng cậu bé sẽ bị tàn tật và suốt đời phải ngồi xe lăn. “Cậu bé sẽ không bao giờ có thể đi lại được nữa”, họ khẳng định.

Các bác sĩ kiểm tra đôi chân của Glenn Cunningham nhưng họ không thể hiểu được con người cậu. Cậu bé chẳng tin vào lời bác sĩ, vẫn một mực bắt đầu tập đi trở lại. Nằm trên giường, với đôi chân đỏ đầy những vết sẹo chưa kéo da non, Glenn nguyện rằng: “Tuần tới mình sẽ bước xuống đường, mình sẽ đi được.” Và Glenn đã làm được.

Mẹ cậu bé kể lại những lần bà vén màn nhìn ra cửa sổ, thấy cảnh Glenn rướn tay lên nắm lấy cái cây cũ kĩ trong vườn. Nắm lấy tay cầm của nó, cậu bé bắt đầu cuộc đấu tranh buộc đôi chân xương xẩu vạm vỡ của mình phải hoạt động. Mỗi bước đi của cậu là một bước đau. Mặt cậu bé liên tục nhăn lại, mồ hôi túa ra như tắm. Nhưng cậu bé vẫn kiên định. Dần dần cậu có thể đi từng bước ngắn, và chẳng bao lâu sau, cậu gần như có thể đi lại bình thường. Khi cậu bé bắt đầu chạy được trên đôi chân chẳng chịt sẹo bóng của mình, cậu lại càng tỏ ra quyết tâm hơn.

“Lúc nào tôi cũng tin là mình có thể đi được, và tôi đã làm như vậy. Còn bây giờ tôi đang cố gắng để có thể chạy được nhanh hơn bất kì người nào khác.” Và cậu bé đã chứng minh rằng cậu có thể thực hiện những điều mình nói.

Cậu bé ngày ấy đã trở thành nhà vô địch môn điền kinh đường cự li một dặm khi lập kỉ lục thế giới trong thời gian chỉ có 4 phút 6 giây vào năm 1934. Anh đã được trao tặng bằng khen danh dự dành cho vận động viên tiêu biểu nhất thế kỉ ở quảng trường danh tiếng Madison.”

(Theo Jeff Yarden)

1. Cậu bé Glenn Cunningham đã gặp phải chuyện gì?

- bị bóng nặng ở cả hai chân khi mới lên năm tuổi
- bị gãy cả hai chân khi mới lên năm tuổi, phải ngồi xe lăn suốt đời
- bị đau chân trong một lần chạy thi môn điền kinh

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước các câu không thuộc kiểu câu kể “Ai làm gì?”:

- “Vượn mẹ hái cái lá to, vắt sữa rồi đặt vào miệng con.”
- “Vượn mẹ rất yêu con của mình.”
- “Bác mấm môi bẻ gãy cung nỏ và lẳng lặng quay gót ra về.”
- “Lép Tôn-xtôi là một nhà văn lớn của nước Nga.”

Bài 4. Đọc đoạn văn sau:

“Sau này làm công tác Đội ở một phường, có lần tôi phải vận động Lái, một cậu bé lang thang, đi học. Tôi đã theo Lái trên khắp các đường phố. Một lần, tôi bắt gặp cậu ngẩn ngơ nhìn theo đôi giày ba ta màu xanh của một cậu bé đang dạo chơi. Hóa ra trẻ con thời nào cũng giống nhau. Tôi quyết định chọn đôi giày ba ta màu xanh để thưởng cho Lái trong buổi đầu cậu đến lớp. Hôm nhận giày, tay Lái run run, môi cậu mấp má, mắt hết nhìn đôi giày, lại nhìn xuống đôi bàn chân mình đang ngọ nguậy dưới đất. Lúc ra khỏi lớp, Lái cột hai chiếc giày vào nhau, đeo vào cổ, nhảy tung tung.”

(Trích “Đôi giày ba ta màu xanh” – Hàng Chức Nguyên)

- Gạch dưới các câu thuộc kiểu câu “Ai làm gì?”.
- Dùng dấu gạch chéo (/) ngăn cách hai bộ phận chính của các câu vừa tìm được.

Bài 5. Thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành các câu kể “Ai làm gì?”:

- Đêm Trung thu, các em nhỏ _____
- Cuối tuần, gia đình em _____
- Sau giờ học, Nam _____
- Cả nhà Gấu _____

Bài 6. Đọc đoạn văn sau và làm theo yêu cầu:

“(1) Mở nắp ra, em thấy ngòi bút sáng loáng, hình lá tre, có mấy chữ rất nhỏ, nhìn không rõ. (2) Mỗi khi lấy mực, một nửa ngòi bút đắm màu mực tím. (3) Em viết lên trang giấy [...]. (4) Khi viết xong, em lấy giẻ lau nhẹ ngòi cho mực khỏi kết vào. (5) Rồi em tra nắp bút trước khi cất vào cặp cho ngòi khỏi bị tõe.”

- Tìm các câu thuộc kiểu câu kể “Ai làm gì?”.

- Gạch dưới vị ngữ của các câu vừa tìm được.

TUẦN 17: TIẾNG SÁO DIỀU

TẬP ĐỌC

"Rất nhiều mặt trăng" (Theo Phơ-bơ)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt l/n, â/t/âc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu kể "Ai làm gì?"

Vị ngữ trong câu kể "Ai làm gì?"

I. Kiến thức

- Câu kể "Ai làm gì?" thường gồm hai bộ phận:
- + Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ, trả lời cho câu hỏi: "Ai (con gì, cái gì)?"
- + Bộ phận thứ hai là vị ngữ, trả lời cho câu hỏi: "Làm gì?"
- Vị ngữ trong câu kể "Ai làm gì?" nêu lên hoạt động của người, con vật (hoặc đồ vật, cây cối khi được nhân hóa).
- Vị ngữ có thể được cấu tạo bởi động từ hoặc động từ kèm theo một số từ ngữ phụ thuộc (cụm động từ).

II. Bài tập

Bài 1. Nối cụm từ ở cột A với cụm từ thích hợp ở cột B để tạo thành câu kể "Ai làm gì?":

A	B
1. Mấy chú chim	a. đang vờn chuột ngoài góc vườn.
2. Chú mèo mướp	b. đang hót ríu rít trên cây.
3. Chúng em	c. cùng nhau ôn bài dưới gốc cây.

Bài 2. Đánh dấu X vào ô trống trước các câu kể "Ai làm gì?":

- ☐ Bãi ngô quê em ngày càng xanh tốt.
- ☐ Những đàn bướm trắng, bướm vàng bay đến, thoảng đồ rồi bay đi.
- ☐ Cây hái xong, ai nấy đều lên nương trả bắp, trả đỗ.
- ☐ Những lá ngô rộng dài, trở ra mạnh mẽ, nõn nà.

2. Cậu bé đã có thái độ, hành động như thế nào khi gặp phải chuyện không may?
- a. đau khổ, chấp nhận số phận
- b. không tin lời bác sĩ, quyết tâm tập đi trở lại
- c. cầu xin mẹ cho mình một đôi chân giả để tập đi
3. Điều kì diệu nào đã xảy ra với Glenn Cunningham?
- a. Cậu đã đi lại được bình thường.
- b. Cậu đã chạy được trên đôi chân chằng chịt vết sẹo.
- c. Cậu đã đi lại, chạy được bình thường. Hơn thế nữa, Glenn Cunningham còn trở thành nhà vô địch thế giới ở môn điền kinh đường trường cự li một dặm vào năm 1934.
4. Câu nói "Lúc nào tôi cũng tin là mình có thể đi được, và tôi đã làm như vậy. Còn bây giờ tôi đang cố gắng để có thể chạy được nhanh hơn bất kì người nào khác." cho thấy điều gì ở Glenn Cunningham?
- a. Glenn Cunningham là một người luôn mạnh mẽ, có niềm tin và nghị lực phi thường.
- b. Glenn Cunningham là một người đầy tham vọng.
- c. Glenn Cunningham là một người liêu lĩnh và quá tự tin vào bản thân mình.
5. Theo em, điều gì đã làm nên thành công của Glenn Cunningham?

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước các câu hỏi. Gạch dưới từ nghi vấn trong câu hỏi đó.

- a. "Môn học này rất hay!"
- b. "Môn học này có hay không?"
- c. "Cậu thấy môn học này hay à?"
- d. "Hãy học môn học này!"
- e. "Tớ thấy môn học nào cũng hay."

Bài 3. Chuyển các câu kể sau thành câu hỏi:

- a. "Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời."

- b. "Ngay từ nhỏ, cậu bé Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã rất thích vẽ."

- c. "Vì nhà nghèo quá, Nguyễn Hiền phải bỏ học."

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 2)

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Từ nào sau đây không phải là từ phức?

- a. học sinh b. ra-đi-ô c. sách vở

2. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ ghép tổng hợp?

- a. tươi tốt, tươi xinh, tươi tắn, tươi đẹp
b. vui sướng, vui tươi, vui mừng, vui vẻ
c. lặng yên, vắng lặng, vui sướng, tươi tốt

3. Từ nào sau đây không phải là từ láy?

- a. mơ màng b. mệnh mông c. mong muốn

4. Từ nào trong các từ sau viết đúng quy tắc chính tả?

- a. Lép Tôn-xtôi b. Anh Xtanh c. Vic-to-Hu-go

5. Câu "Gió tây lướt thướt bay qua rừng, quyến hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm nồng vào những thôn xóm Chin San." có mấy tính từ?

- a. 2 tính từ b. 3 tính từ c. 4 tính từ

6. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

- a. rộn rã, ríu rít, no ấm, tí tách
b. lúng túng, phấp phới, lao xao, ẩm ỉ
c. đo đỏ, ào ạt, xa xôi, xanh tươi

7. Câu "Sương tan tạo thành muôn lạch nước nhỏ xiu nâng đỡ những chiếc lá vàng như con thuyền trên sóng vừa được cô gió thổi tung lên rồi nhẹ nhàng xoay tròn, rơi xuống." sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- a. so sánh b. nhân hóa c. so sánh và nhân hóa

Bài 2. Viết lại các tên người, tên địa lí nước ngoài sau đây theo đúng quy tắc:

- Nensơn Man đê la: _____
– Crít-Xtốp Côlômbô: _____
– Bungari: _____
– Xiôn-cốp-xki: _____

5. Nội dung chính của bài thơ là:

- a. Vẻ đẹp của quê ngoại trong những ngày hè mà bạn nhỏ được về chơi.
b. Tình yêu của bạn nhỏ đối với thành phố nơi mình sinh ra và lớn lên.
c. Vẻ đẹp của một bản làng người dân tộc trong những ngày hè nắng đẹp.

Bài 2. Tìm và xếp các câu kể trong đoạn văn sau thành hai nhóm:

"(1) Gà anh Bốn Linh nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. (2) Bị chó vện đuổi, nó bỏ chạy. (3) Con gà của ông Bảy Hóa hay bới bậy. (4) Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, mỏ như búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vò trai úp nhưng lại hay tán tỉnh lão khoét. (5) Sau gà ông Bảy Hóa, gà bà Kiên nổi gáy theo. (6) Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn..."

a. Câu kể sự việc: _____

b. Câu tả sự vật: _____

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một bộ cờ (cờ vua, cờ tướng,...) mà em biết.

PHIẾU CUỐI TUẦN 16

Bài 1. Đọc bài thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Nắng chiều ở quê ngoại	Em đi trên bờ lúa
Óng ả vàng ngọn chanh	Lấp lánh những giọt sương
Lích chích trên cành khế	Một ngày thật êm ả
Tiếng chim trong lá xanh.	Hiện như cỏ ven đường.

Những ngày ở quê ngoại	Rồi mai về thành phố
Tắm mát trên dòng sông	Bao nhiêu là khói xe
Rất nhiều hoa cỏ lạ	Miền man em cứ nhớ
Thoang thoảng hương trên đồng.	Quê ngoại với nắng hè."

("Quê ngoại" – Phạm Thanh Chương)

1. Bạn nhỏ trong bài thơ về quê ngoại trong dịp nào?

- trong những ngày hè;
- trong một buổi chiều có nắng;
- trong một buổi sáng có sương đọng trên bờ lúa.

2. Bài thơ nhắc đến những loài cây nào ở quê ngoại?

- ngọn chanh, cành khế, bờ lúa, cỏ lạ, ngọn đa;
- chanh, khế, lá xanh, lúa, cánh đồng;
- chanh, khế, cỏ, lúa.

3. Bạn nhỏ cảm nhận vẻ đẹp của quê ngoại nhờ những giác quan nào?

- thị giác, thính giác;
- thị giác, thính giác, xúc giác;
- thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác.

4. Trong bài thơ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

Bài 3. Xác định các danh từ, động từ và tính từ trong câu văn sau:

"Sứ còn thấy rõ những vật lưới đan bằng sợi ni lông óng vàng, phát phơ bên cạnh những vật lưới đen ngăm, trụi trụi."

Bài 4. Trong các từ được gạch dưới ở mỗi cặp câu dưới đây, từ nào dùng để hỏi? Khoanh vào từ đó.

a. – "Em đi đâu?"

– "Đi đâu tôi cũng đi."

b. – "Em về bao giờ?"

– "Bao giờ tôi cũng sẵn sàng."

Bài 5. Đọc đoạn thơ trong bài "Mẹ ốm" của Trần Đăng Khoa:

"Vi con, mẹ khổ đủ điều

Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn

Con mong mẹ khỏe dần dần

Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.

Rồi ra đọc sách, cấy cà

Mẹ là đất nước, tháng ngày của con..."

a. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

b. Đoạn thơ cho em cảm nhận gì về tình cảm của người con đối với mẹ?

TUẦN 14: TIẾNG SÁO DIỀU

TẬP ĐỌC

“Chú Đất Nung” (Theo Nguyễn Kiên)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt s/x, ât/âc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Luyện tập về câu hỏi

Dùng câu hỏi vào mục đích khác

I. Kiến thức

Dùng câu hỏi vào mục đích khác

Trong nhiều trường hợp, câu hỏi được dùng để thể hiện:

– Thái độ khen, chê.

Ví dụ: “Sao cậu có thể viết bài văn hay đến vậy nhỉ?”

– Sự khẳng định, phủ định.

Ví dụ: “Tớ mà lại nói ra những lời như vậy sao?”

– Yêu cầu, mong muốn...

Ví dụ: “Em có thể chuyển giúp chị lọ muối ở trên bàn được không?”

II. Bài tập

Bài 1. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. “Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện cho chữ cứng cáp.”

b. “Một chàng kị sĩ rất bảnh, cưỡi ngựa tía, dây cương vàng.”

c. “Tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà.”

d. “Học giỏi nhất lớp em là bạn Lan.”

e. “Giờ ra chơi, các bạn thường chơi nhảy dây.”

TẬP LÀM VĂN

Luyện tập giới thiệu địa phương

Luyện tập miêu tả đồ vật

Viết bài văn tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích và gắn bó, dùng kiểu mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng.

Bài 5. Đặt các câu kể phù hợp với mỗi mục đích dưới đây:

a. Nhận xét về một người nào đó

b. Miêu tả hoạt động của thầy giáo hoặc cô giáo

c. Tả hình dáng, màu sắc của một đồ dùng học tập mà em đang dùng

d. Giới thiệu về một người bạn ở lớp em

Bài 6. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

“Quê hương là con diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng

Quê hương là con đò nhỏ

Êm đềm khua nước ven sông.”

(Trích “Quê hương” – Đỗ Trung Quân)

a. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ.

b. Đoạn thơ cho em cảm nhận gì về tình cảm của tác giả dành cho quê hương của mình?

Bài 2. Gạch dưới các từ nghi vấn trong những câu sau:

a. “Bây giờ anh sẽ làm gì?”

b. “Chúng ta phải làm gì bây giờ đây?”

c. “Em đã xem phim “Harry Potter” chưa?”

d. “Em phải làm như thế nào?”

e. “Nhà cháu đi du lịch ở đâu?”

f. “Có phải anh sẽ đi ngay bây giờ không?”

Bài 3. Điền X vào ô trống trước những câu sử dụng sai dấu chấm hỏi:

☐ “Em không biết chị Hòa đã về nhà chưa?”

☐ “Mẹ ơi, chị Hòa đã về nhà chưa ạ?”

☐ “Mì có dám chạy thi với ta không?”

☐ “Thử chạy thi xem ai nhanh hơn nào?”

☐ “Ở nhà, Hằng có học bài không?”

☐ “Cô giáo hỏi Hằng ở nhà có học bài không?”

☐ “Em đi chơi ở đâu?”

☐ “Em đâu có đi chơi?”

Bài 4. Cho biết những câu hỏi dưới đây được dùng với mục đích gì?

a. “Em có học bài không nào?”

b. “Mẹ có thể mua cho con một quyển vở mới không ạ?”

c. “Sao nhà cậu đẹp thế?”

d. “Bố có thể giảng cho con bài toán này không ạ?”

e. “Sao nó đại thế nhỉ?”

f. “Cây bàng này mà các cậu bảo là cao à?”

Bài 5. Đặt câu hỏi phù hợp với mỗi tình huống sau:

a. Có bài tập em chưa hiểu, em muốn nhờ bạn giảng cho.

b. Trong cửa hàng bán đồ chơi, em muốn người bán hàng cho xem con gấu bông.

c. Khen em bé nhà hàng xóm rất đáng yêu.

d. Em tự trách mình vì đánh vỡ lọ hoa.

Bài 6. Trong bài thơ “Nhớ con sông quê hương” của Tế Hanh có đoạn:

“Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống lòng sông lấp lánh.”

a. Gạch dưới những động từ có trong đoạn thơ.

b. Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn thơ trên?

c. Viết một đoạn văn khoảng 5 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh dòng sông và tình cảm của nhà thơ với con sông quê hương.

Bài 2. Kể tên các trò chơi và lễ hội mà em biết.

a. Tên các trò chơi:

b. Tên các lễ hội:

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước những câu kể trong các câu sau:

a. “Quyển truyện hay quá!”

b. “Hoa rau cải hương vàng hoe, từng vạt dài ẩn hiện trong sương bên sườn đồi.”

c. “Bộ phim Đô-rê-mon đã chiếu chưa?”

d. “Mùa thu của Hạ Long là mùa trăng biển và tôm he...”

e. “Việc học là rất quan trọng đối với mỗi người.”

f. “Anh về lúc nào mà sao không báo cho ai biết vậy?”

g. “Rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng.”

Bài 4. Đọc đoạn trích sau:

“(1) Nhà vua đồng ý. (2) Thế là chú hể đến gặp cô chủ nhỏ của mình. (3) Chú hứa sẽ mang mặt trăng về cho cô nhưng cô phải cho biết mặt trăng to bằng chừng nào. (4) Công chúa bảo:

(5) – Chỉ to hơn móng tay ta, vì khi ta đặt ngón tay lên trước mặt trăng thì móng tay che gần khuất mặt trăng.

(6) Chú hể lại hỏi:

(7) – Công chúa có biết mặt trăng treo ở đâu không?

(8) Công chúa đáp:

(9) – Ta thấy đôi khi nó đi ngang qua ngọn cây trước cửa sổ.”

(Theo Phơ-bơ)

a. Gạch dưới các câu kể trong đoạn trích trên.

b. Cho biết mỗi câu kể đó được dùng để làm gì?

TUẦN 16: TIẾNG SÁO DIỀU

TẬP ĐỌC

"Kéo co" (Theo Toan Ánh)

"Trong quán ăn "Ba cá bống""

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, ât/âc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ "Đồ chơi – Trò chơi"

Câu kể

I. Kiến thức

- Câu kể (câu trần thuật) là kiểu câu dùng để kể, tả, giới thiệu sự vật, sự việc hoặc nói lên ý kiến, tâm tư, tình cảm;
- Câu kể thường chứa từ ngữ khẳng định hoặc phủ định. Cuối câu kể thường có dấu chấm;
- Các kiểu câu kể: "Ai làm gì?", "Ai là gì?", "Ai thế nào?"

II. Bài tập

Bài 1. Xếp các từ ngữ sau vào hai nhóm: trò chơi học tập và trò chơi giải trí.

bịt mắt bắt dê; điền ô chữ; ghép lời vào tranh; rước đèn ông sao; kéo co;

ghép tiếng tạo từ; nhảy dây; đá cầu; nghe đọc đoạn, đoán tên bài;

tìm nhanh, đọc đúng; đoán từ; thả thơ; thả diều; hái hoa luyện đọc

a. Trò chơi học tập:

b. Trò chơi giải trí:

TẬP LÀM VĂN

Văn miêu tả

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Miêu tả là tái hiện những đặc điểm nổi bật của người, cảnh, vật nhằm giúp người nghe, người đọc hình dung được đối tượng một cách cụ thể, sinh động.

2. Một số thao tác làm văn miêu tả

a. Quan sát đối tượng miêu tả

- Quan sát là bước đầu tiên cần làm khi miêu tả một đối tượng nào đó.
- Quan sát là sử dụng các giác quan để nhận biết sự vật:
 - Thị giác (mắt): cho ta cảm nhận về màu sắc (xanh, đỏ, tím, vàng...); hình dạng, kích thước (cao, thấp, ngắn, dài, vuông, tròn...); hoạt động (đọc báo, nấu cơm, học bài...).
 - Thính giác (tai): cho ta cảm nhận về âm thanh phong phú của cuộc sống (tiếng suối chảy róc rách, tiếng dế kêu, tiếng bầy ong vù vù, tiếng trẻ con tíu tít...).
 - Khứu giác (mũi): cho ta cảm nhận về các mùi (mùi thơm nồng của hoa sữa, mùi thơm thoang thoảng của hoa ngọc lan, mùi thơm ngọt ngào của mật ong...).
 - Vị giác (lưỡi): cho ta cảm nhận về các vị (vị chua của trái bưởi đầu mùa, vị ngọt sắc của trái na...).
 - Xúc giác (da): làn da mịn màng của em bé, khí lạnh buổi sớm ở miền biển...

b. Xác định trình tự miêu tả

- Miêu tả từng khía cạnh của đối tượng:

Ví dụ: Miêu tả chú cún mà em yêu quý.

+ Hình dáng: "Chú có bộ lông màu đen xám, cái đầu tròn ngộ nghĩnh, đôi tai cụp xuống trông rất đáng yêu. Cún con mập lấm, hai mắt lúc nào cũng mở to, cứ nhìn thấy em ở đâu là cún lại sà đến ngay, vẫy đuôi rối rít..."

+ Hoạt động: "Cún còn nhỏ mà đã ra dáng lẫm rỏi đấy, thấy có người lạ là chú sủa ầm lên. Nhưng mà chú ta cũng nhát gan lắm, hễ ai hù dọa một cái là chú ta chạy tót vào trong gầm bàn và nằm im trong đó."

– Miêu tả theo trình tự thời gian:

Ví dụ: Tả cây hoàng yến vào mùa hoa.

+ Cây hoàng yến vào thời điểm bắt đầu mùa hoa: “Sang tháng năm, khi tiếng ve sầu râm ran khắp các cành cây, tán lá thì cũng là lúc những chùm hoa hoàng yến đầu tiên xuất hiện. Xen lẫn trong đám lá xanh là những chùm hoa màu vàng rực rỡ...”

+ Cây hoàng yến vào thời điểm đẹp nhất: “Đến giữa tháng sáu, ta không nhìn thấy chiếc lá xanh nào nữa mà giờ đây là cả một lầu đài hoa vàng rực rỡ. Cây hoàng yến yêu kiều như một nàng công chúa với bộ váy áo đẹp kiêu sa, không một loài hoa nào sánh kịp...”

+ Cây hoàng yến vào cuối mùa hoa: “Sang thu, những chùm hoa thưa thớt dần và những chùm quả xuất hiện. Quả hoàng yến cũng giống như quả phượng nhưng nhỏ hơn chút xíu...”

– Miêu tả theo trình tự không gian:

Ví dụ: Tả ngôi nhà của gia đình em.

+ Nhìn từ ngoài vào: “Ngôi nhà em ở có ba tầng, nằm trên đường Điện Biên Phủ. Nhìn từ xa, ngôi nhà giống như một vị giáo sư đang ngồi trầm tư suy nghĩ. Màu sơn đã không còn mới bởi đây là ngôi nhà được xây từ đời ông nội em.”

+ Trong nhà: “Đồ đạc đơn sơ và giản dị. Tầng một có phòng khách, nhà bếp và bàn ăn. Tầng hai là các phòng ngủ. Bố mẹ em có phòng làm việc yên tĩnh trên tầng ba...”

Lưu ý: Để tăng sức hấp dẫn cho bài văn miêu tả, có thể sử dụng các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa... nhằm giúp đối tượng miêu tả trở nên gần gũi, sinh động hơn và tạo ấn tượng, gây hứng thú với người đọc.

3. Lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu đồ vật được tả.

- Đồ vật mà em sẽ tả là gì?
- Em đã nhìn thấy hoặc có đồ vật đó khi nào, với ấn tượng gì đặc biệt?

b. Thân bài: Miêu tả đồ vật.

- Tả bao quát: quan sát, miêu tả đồ vật theo trình tự từ xa tới gần (kích thước, màu sắc...).
- Tả chi tiết từng bộ phận: hình dạng, màu sắc, kích thước... của các bộ phận.
- Nêu vai trò, tác dụng của đồ vật đó.

c. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về đồ vật được tả.

- Cảm nhận: yêu mến, thích thú, gắn bó...
- Tự hứa sẽ giữ gìn đồ vật đó cẩn thận...

Bài 2. Em có nhận xét gì về quan hệ giữa các nhân vật và tính cách của mỗi nhân vật thể hiện qua cách hỏi đáp dưới đây?

“Một cậu bé bước vào gian hàng bán đồ chơi. Cậu chỉ vào cái xe tăng nhựa và hỏi cô bán hàng:

– Bao nhiêu tiền cái xe tăng?

Cô bán hàng từ tốn trả lời:

– Bảy ngàn một cái, cháu ạ.

Cậu bé hỏi lại:

– Bảy ngàn à?

Cô bán hàng hơi ngạc nhiên, không trả lời mà hỏi cậu bé:

– Cháu đã đi học chưa?

– Đi học rồi chứ.”

a. Mối quan hệ giữa các nhân vật:

b. Tính cách của mỗi nhân vật:

Bài 3. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay.

PHIẾU CUỐI TUẦN 15

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Bốn mùa Hạ Long mang trên mình một màu xanh đậm thắm: xanh biếc của biển, xanh lam của núi, xanh lục của trời. Tuy bốn mùa là vậy, nhưng mỗi mùa Hạ Long lại có những nét riêng biệt, hấp dẫn lòng người. Mùa xuân của Hạ Long là mùa sương và cá mực. Mùa hè của Hạ Long là mùa gió nồm nam và cá ngừ, cá vược. Mùa thu của Hạ Long là mùa trăng biển và tôm he... Song quyến rũ hơn cả vẫn là mùa hè của Hạ Long. Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long ta có cảm giác như đi trước cửa gió. Ngọn gió thổi lúc êm ả như ru, lúc phấn phật như quạt, mang cái trong lành tươi mát của đại dương vào đất liền, làm sáng khoáy tâm hồn ta. Trong tiếng gió thổi, ta nghe tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ, tiếng ve ran và cả tiếng máy, tiếng xe, tiếng cấn trực từ các tầng than, bến cảng vọng lại. Những âm thanh của sự sống trăm ngả tụ về, theo gió ngân lên vang vọng.”

(“Vịnh Hạ Long” – Theo Thi Sảnh)

1. Suốt bốn mùa, Hạ Long có đặc điểm gì?

- a. tràn ngập màu xanh; b. đầy ắp tôm cá; c. rộn rã âm thanh.

2. Nội dung chính của đoạn trích miêu tả vịnh Hạ Long vào mùa nào?

- a. mùa xuân; b. mùa hè; c. mùa xuân, mùa thu, mùa hè.

3. Những loài vật nào được nhắc đến trong bài?

- a. cá mực, cá ngừ;
b. cá mực, cá vược, cá ngừ;
c. cá vược, cá mực, tôm he, cá ngừ.

4. Em hiểu câu “Mùa xuân của Hạ Long là mùa sương và cá mực.” như thế nào?

- a. Mùa xuân, Hạ Long được bao phủ trong sương.
b. Mùa xuân, Hạ Long có nhiều cá mực.
c. Cả a và b đều đúng.

5. Gạch dưới câu văn miêu tả gió mùa hè ở Hạ Long. Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn đó.

II. Bài tập

Bài 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Mùa đông đã về thực sự rồi. Mây từ trên cao theo các sườn núi trườn xuống, chốc chốc lại gieo một đợt mưa bụi trên những mái lá chít bạc trắng. Hoa rau cải hương vàng hoe, từng vạt dài ẩn hiện trong sương bên sườn đồi. Con suối lớn ồn ào, quanh co đã thu mình lại, phủ những dải sỏi cuội nhẵn nhụi và sạch sẽ... Trên những ngọn coi già nua, những chiếc lá vàng cuối cùng còn sót lại đang khua lao xao trước khi từ già thân mẹ đơn sơ.”

(Theo Ma Văn Kháng)

a. Đoạn văn miêu tả cảnh thiên nhiên vào mùa nào, ở đâu?

b. Tác giả đã miêu tả những sự vật nào?

c. Nhà văn đã sử dụng những giác quan nào để quan sát và miêu tả cảnh vật?

Bài 2. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn sau và cho biết nội dung mỗi phần.

“Trước ngày khai giảng vào lớp 4, bố đã tặng tôi một chiếc cặp sách mới tinh. Chiếc cặp đó đến giờ vẫn theo tôi đến trường hằng ngày như một người bạn thân thiết.

Cặp có màu xanh, viền đỏ, mặt trước của cặp có in hình chú mèo Đô-rê-mon rất xinh xắn. Chắc hẳn bố biết tôi thích đọc truyện tranh Đô-rê-mon và mê tíu chú mèo thông minh ấy nên đã chọn chiếc cặp này cho tôi. Hai cái quai đeo của cặp to và chắc chắn, tôi có thể để trong cặp rất nhiều sách mà không sợ bị đứt quai. Cái quai ở phía trên để xách có màu đen bóng.

Bên trong cặp rộng rãi với ba ngăn to để đựng sách vở, hộp bút và hai ngăn nhỏ để tôi đựng những đồ dùng bé xíu, dễ thương như cái dây buộc tóc hay chiếc khăn mùi soa. Mỗi ngăn của cặp đều có khóa kéo nên tôi yên tâm là sách vở được giữ gọn gàng.

Chiếc cặp là người bạn thân thiết của tôi mỗi ngày đến trường. Mỗi khi nhìn chiếc cặp, tôi nhớ đến lời bố dặn tôi: “Con hãy yêu quý và giữ gìn chiếc cặp của mình bởi nó là trợ thủ đắc lực nhất của con đấy!”

Bài 3. Quan sát một chiếc đồng hồ (treo tường, để bàn hoặc báo thức) rồi ghi lại những đặc điểm của nó theo trình tự sau:

a. hình dáng, màu sắc

b. mặt đồng hồ

c. kim đồng hồ

d. Chọn một ý trong các ý trên và viết thành đoạn văn hoàn chỉnh từ 5 đến 7 câu.

a. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn.

b. Nêu ý chính của các phần trong bài văn trên (mở bài, thân bài, kết bài).

Bài 2. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu miêu tả một cánh diều mà em có dịp quan sát.

TẬP LÀM VĂN Luyện tập miêu tả đồ vật. Quan sát đồ vật**I. Kiến thức****Quan sát đồ vật**

- Cần quan sát theo một trình tự hợp lí.
- Sử dụng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, tay sờ...
- Cần phát hiện những đặc điểm riêng phân biệt đồ vật đó so với những đồ vật khác.

II. Bài tập**Bài 1.** Đọc bài văn sau:

"Tiếng Việt 4 là cuốn sách giáo khoa mà em yêu thích nhất. Cái cảm giác thú vị khi được cầm nó trên đôi bàn tay nhỏ bé trong giờ Tập đọc đầu tiên đã làm em nhớ mãi.

Cuốn sách dày 184 trang, cỡ 16x24 cm. Bìa màu vàng nhạt sáng bóng nổi bật tên sách "Tiếng Việt 4" bằng dòng chữ màu đỏ tươi. Tranh minh họa gợi lên hình ảnh thân mật, say mê của sáu cô cậu học trò nhỏ ngồi quanh bàn theo dõi cô giáo chữa bài trên cuốn vở mở rộng.

Em đã bắt gặp chú Đế Mèn ngộ nghĩnh, hào hiệp và tốt bụng đáng yêu đang ân cần an ủi chị Nhà Trò bé bỏng, yếu đuối. Đế Mèn mắt tròn xoe, trên đầu có hai dải tóc dài uốn cong. Chân chú như đi giày, đôi càng lờm chờm những răng cưa sắc nhọn. Chú đã làm cho mụ Nhện và lũ Nhện Gộc, Nhện Vách bạt vía kinh hồn.

Trang 51 là bài thơ ngụ ngôn "Gà Trống và Cáo". Cảnh "bà già kẻ cắp gặp nhau" thật hóm hỉnh. Em say mê ngắm nhìn không chán một số tranh ảnh minh họa: danh họa Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi trong bài "Vẽ trứng", chú Tư và năm bạn nhỏ trong bài "Chiếc xe đạp của chú Tư", Yết Kiêu yết kiến vua Trần Nhân Tông xin đi đánh giặc... Nhiều tranh đẹp, nhiều bài thơ hay, nhiều mẫu chuyện vui và lạ: "Nàng tiên Ốc", "Những hạt thóc giống", "Trong quán ăn Ba cá bống"...

Những bài học về văn miêu tả đối với em rất bổ ích. Mỗi trang sách như mở ra trong tâm hồn em một thế giới bao la đầy ước mơ và hi vọng. Ông Trạng thả diều mới đáng yêu làm sao! Em khê đọc bài thơ "Nếu chúng mình có phép lạ", chỉ đọc một lần là em đã vô cùng ấn tượng với những ý tưởng chan chứa tình yêu thương của các em nhỏ. Nâng cuốn sách "Tiếng Việt 4" lên đôi bàn tay, em ước ao sẽ trở thành một học sinh "văn hay chữ tốt". "

(Sưu tầm)

PHIẾU CUỐI TUẦN 14

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Có một cô bé tên Nu sống cùng bố mẹ trong một ngôi nhà xinh xắn. Nu ngoan ngoãn, đáng mến nên được mọi người rất mực yêu thương. Nhân dịp sinh nhật tròn bốn tuổi, Nu được bố mẹ tặng cho con búp bê mà cô bé rất thích.

Nu gọi búp bê là Nu em. Đi đâu, làm gì, cô bé cũng mang Nu em theo. Nu làm cho người bạn mới chiếc giường nhỏ xíu bằng giấy và nhờ mẹ may nhiều quần áo đẹp cho Nu em thay mỗi ngày. Cô bé còn thường xuyên mang theo Nu em đến lớp học, chơi với các bạn quanh mình.

Một năm sau, khi Nu tròn 5 tuổi, bố mẹ tặng cho cô bé một món quà mới. Đó là một chú chó bông màu trắng rất xinh. Từ ngày có chó bông, Nu em bị Nu quăng vào một xó và quên mất. Thay vào đó là chú chó bông được Nu mang theo khắp nơi. Nu mang cả chó bông đi ngủ, đi chơi, quên hẳn cô búp bê đáng thương nơi góc tủ tối tăm, lạnh lẽo.

Một hôm, Nu nằm mơ thấy búp bê nhỏ của mình. Cô bé nhìn Nu rồi bật khóc:

– Chị Nu quên em rồi sao? Chúng ta đã từng chơi với nhau rất thân. Lâu rồi em không được mặc chiếc váy mới nào. Em nhớ chị lắm. Hu... hu...

Nu thấy búp bê khóc cũng bật khóc theo. Khi tỉnh giấc, Nu liền đi tìm búp bê ngay. Cô bé mừng rỡ khi thấy Nu em vẫn còn trong góc tủ tuy có dính một chút bụi. Nu ôm búp bê vào lòng nói khẽ:

– Tha lỗi cho chị nhé, chúng ta sẽ mãi là bạn nha!

Nu tắm rửa cho búp bê, sửa soạn lại chiếc giường nhỏ. Cô bé giới thiệu Nu em với chó bông. Từ đó, Nu chơi với búp bê và chó bông rất vui vẻ, không bỏ quên bạn nào."

("Búp bê biết khóc" – Sưu tầm)

1. Vào dịp sinh nhật bốn tuổi, Nu được bố mẹ tặng món quà gì?

- một con búp bê xinh xắn
- một chú chó bông màu trắng
- một bộ quần áo đẹp

2. Nu làm gì với món quà sinh nhật bốn tuổi mà bố mẹ tặng?

- để trưng bày trong tủ
- luôn mang theo bên mình mọi lúc, mọi nơi
- để nằm cạnh mình mỗi khi đi ngủ

3. Khi có món quà sinh nhật mới, Nu đã làm gì với món đồ cũ?

- a. bỏ quên trong góc tủ
- b. vẫn chỉ chơi với món đồ cũ
- c. chơi với cả hai món đồ

4. Sau khi mơ thấy món đồ cũ nói chuyện với mình, Nu đã làm gì?

- a. tiếp tục bỏ mặc
- b. lục tìm và chơi với món đồ cũ, bỏ quên món đồ mới
- c. vui chơi với cả hai món đồ như những người bạn thân thiết

5. Câu chuyện trên giúp em hiểu được điều gì?

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. "Tiếng cười là liều thuốc bổ."

b. "Những chú khướu lắm điệu."

c. "Đám người không sợ chết đã cứu được quãng đê sống lại."

d. "Bình hối hộp khi nhận món quà của bố."

Bài 3. Những câu hỏi sau được dùng với mục đích gì?

a. "Bộ váy này đẹp thế nhỉ?"

b. "Bà ơi, ai cũng bảo anh em cháu giống nhau như những giọt nước cơ mà?"

c. "Những con bồ câu cũng cần ăn chứ nhỉ?"

d. "Có phá hết các vòng vây đi không?"

c. Em đi học về thấy em gái vẫn chưa dọn dẹp nhà cửa, đồ đạc để rất lộn xộn. Em liền nhắc nhở.

Bài 8. Đặt câu hỏi để thể hiện thái độ lịch sự khi hỏi trong các tình huống sau:

a. Em hỏi đường một người lớn tuổi.

b. Em hỏi mẹ để biết xem hôm nay nhà mình ăn gì trong bữa cơm tối.

Bài 9. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác diều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngựa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: "Bay đi diều ơi! Bay đi!". Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi."

a. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai?

b. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn. Gạch dưới câu văn thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

c. Viết đoạn văn khoảng 5 câu trình bày cảm nhận của em về niềm vui và ước mơ của các bạn nhỏ khi chơi thả diều qua đoạn trích trên.

– Có cảm mồm không?

Bác sĩ điểm tĩnh hỏi:

– Anh bảo tôi phải không?

Khi tên chúa tàu cục cằn bảo “phải”, bác sĩ nói:

– Anh cứ uống rượu mãi như thế thì đến phải tổng anh đi nơi khác.

Cơn tức giận của tên cướp thật dữ dội. Hắn đứng phắt dậy, rút soạt dao ra, làm lăm chục đâm. Bác sĩ Ly vẫn đồng dặc và quả quyết:

– Nếu anh không cắt dao, tôi quyết làm cho anh bị treo cổ trong phiên tòa sắp tới.

[...] Hai người guờm guờm nhìn nhau. Rốt cục, tên cướp biển cúi gằm mặt, tra dao vào, ngồi xuống, làu bàu trong cổ họng.”

a. Tìm các câu hỏi có trong đoạn trích trên và cho biết chúng được dùng với những mục đích nào?

b. Qua cách đối đáp của tên cướp biển và bác sĩ Ly, em thấy được điều gì trong tính cách mỗi nhân vật?

Bài 6. Khoanh vào chữ cái trước các câu hỏi thể hiện sự lễ phép, lịch sự:

a. “Sao bố chưa mua cho con quyển truyện?”

b. “Bố ơi, bố mua cho con quyển truyện được không ạ?”

c. “Chị có biết ông chị đi đâu không đấy?”

d. “Ông chị không có nhà hả?”

Bài 7. Đặt câu hỏi thích hợp trong các trường hợp sau:

a. Em tự trách mình vì làm hỏng một món quà kỉ niệm mà em yêu quý.

b. Đến lớp, em thấy bạn mang một chiếc cặp sách rất đẹp. Em khen chiếc cặp đó của bạn.

Bài 4. Đặt câu hỏi với cụm từ “bài viết của cậu” theo các yêu cầu sau:

a. Mục đích khen

b. Mục đích yêu cầu, đề nghị

c. Mục đích phủ định

d. Mục đích khẳng định

Bài 5. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả một đồ vật mà em yêu thích.

TUẦN 15: TIẾNG SÁO ĐIỀU

TẬP ĐỌC

“Cánh diều tuổi thơ” (Theo Tạ Duy Anh)
“Tuổi Ngựa” (Xuân Quỳnh)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết
Phân biệt tr/ch, thanh hỏi / thanh ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Đồ chơi – Trò chơi”
Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi

I. Kiến thức: Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi

- Khi đặt câu hỏi cần giữ phép lịch sự, thưa, gửi, xưng hô phù hợp;
Ví dụ: “Thưa cụ, năm nay cụ bao nhiêu tuổi ạ?”
- Tránh những câu hỏi làm phiền người khác.

II. Bài tập

Bài 1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào hai nhóm:

quả cầu, quần cò, đá cầu, đá bóng, đấu vật, que chuyển, viên bi,
chơi chuyên, chơi bi, kéo co, búp bê, thả diều, đèn ông sao,
múa sư tử, diều, rước đèn, chong chóng, trống ếch, ngựa gỗ, nhảy dây

a. Từ ngữ chỉ đồ chơi

b. Từ ngữ chỉ trò chơi

Bài 2. Đặt câu với mỗi từ ngữ sau: “đá cầu”, “nhảy dây”.

Bài 3. Các câu đố dưới đây nói về những đồ chơi, trò chơi nào?

a. “Quả gì không ở cây nào
Không chân không cánh bay cao, chạy dài?”

b. “Mọi đêm quen ở trên trời
Vui Trung thu bạn rước tôi đi cùng.”

c. “Khi thể thủ, khi tấn công
Có sông, có nước mà không có đò
Ngựa xe đi lại tự do
Đôi voi thì chỉ quanh co giữ nhà.”

Bài 4. Điền các từ ngữ cho dưới đây vào bảng thích hợp:

nhật tình, ham thích, nhanh mắt, nhanh tay, say mê, thích,
khỏe mạnh, khéo tay, say sưa, giữ gìn đồ chơi, nắm luật chơi,
biết nhường nhịn, hăng hái, yêu thích

Từ ngữ nói về tình cảm, thái độ đối với đồ chơi, trò chơi, bạn cùng chơi.	
Từ ngữ nói về những kĩ năng, năng lực cần có khi chơi.	

Bài 5. Đọc đoạn trích trong bài “Khuất phục tên cướp biển” của Xti-ven-xơn:

“Một lần, bác sĩ Ly – một người nổi tiếng nhân từ – đến thăm bệnh cho ông chủ quán trọ. Tên chúa tàu lúc ấy đang ẻ a bài hát cũ. Hát xong, hắn quen lệ đập tay xuống bàn quát mọi người im. Ai nấy nín thít. Riêng bác sĩ vẫn ôn tồn giảng cho ông chủ quán trọ cách trị bệnh. Chúa tàu trừng mắt nhìn bác sĩ, quát: